

**SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH
CHI CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ CHĂN NUÔI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTCN-BVTV

Hà Tĩnh, ngày tháng 11 năm 2025

V/v Thực hiện các quy định
về sản xuất, buôn bán phân bón,
buôn bán thuốc BVTV.

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán phân bón;
buôn bán thuốc BVTV.

Đến ngày 19/11/2025, toàn tỉnh có 02 cơ sở sản xuất phân bón, 795 cơ sở buôn bán phân bón được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; 447 cơ sở buôn bán thuốc BVTV được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV. Tuy nhiên qua kiểm tra, rà soát tại các cơ sở buôn bán phân bón, thuốc BVTV vẫn còn một số tồn tại như: Các mặt hàng sắp xếp lộn xộn; không niêm yết giá đầy đủ các mặt hàng buôn bán; sổ ghi chép chưa đầy đủ thông tin xuất, nhập; cơ sở tiếp tục buôn bán thuốc BVTV khi giấy chứng nhận đủ điều kiện đã hết hiệu lực, hàng quá hạn sử dụng,...

Để tăng cường công tác quản lý về sản xuất, buôn bán phân bón, buôn bán thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật. Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi yêu cầu các tổ chức, cá nhân nêu trên thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Lĩnh vực phân bón

1.1. Nhập khẩu phân bón

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 44 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14: Điều 19, 20 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón chưa được công nhận lưu hành tại Việt Nam phải có Giấy phép nhập khẩu phân bón trong trường hợp sau đây: Phân bón để khảo nghiệm; phân bón dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí; phân bón sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam; phân bón làm quà tặng, làm hàng mẫu; phân bón tham gia hội chợ, triển lãm; phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học; phân bón làm nguyên liệu để sản xuất phân bón khác; phân bón tạm nhập, tái xuất hoặc phân bón quá cảnh hoặc chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam; phân bón gửi kho ngoại quan; phân bón nhập khẩu vào khu chế xuất.

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón chưa đủ điều kiện sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 23 Nghị định 31/2023/NĐ-CP ngày 9/6/2023 cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung trong Giấy phép nhập khẩu phân bón.

+ Phạt tiền đối với hành vi nhập khẩu phân bón không bảo đảm chất lượng, hết hạn sử dụng, chưa được công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam mà không có Giấy phép nhập khẩu phân bón hoặc không có Giấy phép nhập khẩu phân bón đối với trường hợp phân bón nhập khẩu quy định phải có giấy phép, cụ thể như sau: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị dưới 20.000.000 đồng; phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

1.2. Sản xuất phân bón

- Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14: Điều 14 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019: (1) Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất; (2) Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón; (3) Có phòng thử nghiệm hoặc có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón do mình sản xuất; (4) Có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp và được cập nhật với tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ban hành về quản lý chất lượng; (5) Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt; (6) Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất phân bón chưa đủ điều kiện sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 21 Nghị định 31/2023/NĐ-CP ngày 9/6/2023 cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón định kỳ hàng năm.

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt; không thực hiện báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón định kỳ hàng năm trong 02 năm liên tiếp hoặc không thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Không có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025 mà không

có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón do mình sản xuất ra (trừ các cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón).

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Người trực tiếp điều hành sản xuất phân bón không có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học; không thực hiện thu hồi hoặc không tuân thủ thời hạn thu hồi phân bón theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không lưu mẫu sản phẩm của từng lô phân bón xuất xưởng theo quy định về thời gian bảo quản mẫu lưu; không lưu hồ sơ kết quả thử nghiệm theo quy định về thời gian của từng lô phân bón sản xuất đã xuất xưởng.

+ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không thực hiện thử nghiệm đánh giá chất lượng của từng lô phân bón thành phẩm tại một trong các phòng thử nghiệm quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ; không có hệ thống quản lý chất lượng được công nhận phù hợp với ISO 9001 hoặc tương đương (trừ cơ sở mới thành lập chưa đủ 01 năm kể từ ngày thành lập).

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón không phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón theo đúng đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

+ Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, cụ thể như sau: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không đúng loại phân bón, dạng phân bón được ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón; phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không đúng địa điểm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón; phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã hết hạn hoặc bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi.

+ Phạt tiền đối với hành vi sản xuất phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (trừ trường hợp sản xuất phân bón để nghiên cứu, khảo nghiệm; phân bón sản xuất trong khuôn khổ dự án sản xuất thử

nghiệm, chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong thời gian thực hiện dự án, chương trình) hoặc phân bón có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hết hiệu lực hoặc khi đã bị hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, cụ thể như sau: Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị dưới 50.000.000 đồng; phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng; phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng; phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 150.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

- Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: Căn cứ Điều 18 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị thu hồi trong các trường hợp sau đây: Sử dụng tài liệu giả hoặc cung cấp thông tin trong tài liệu không đúng thực tế làm sai lệch bản chất của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong Giấy chứng nhận.

1.3. Buôn bán phân bón

- Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 42 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14: Điều 15 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019: (1) Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng; (2) Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định; (3) Người trực tiếp buôn bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi cấp, trừ trường hợp đã có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân thực hiện buôn bán phân bón chưa đủ điều kiện sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định 31/2023/NĐ-CP ngày 9/6/2023 cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán phân bón khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; buôn bán phân bón trong thời gian bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; không duy trì

đầy đủ các điều kiện về buôn bán phân bón theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt năm 2018 trong quá trình hoạt động.

+ Phạt tiền đối với hành vi buôn bán phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hoặc phân bón có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hết hiệu lực hoặc phân bón đã bị hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, cụ thể như sau: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị dưới 50.000.000 đồng; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng; phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp lô phân bón có giá trị từ 150.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hoặc phân bón có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hết hiệu lực hoặc phân bón đã bị hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.

- Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: Căn cứ Điều 18 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón bị thu hồi trong các trường hợp sau đây: Sử dụng tài liệu giả hoặc cung cấp thông tin trong tài liệu không đúng thực tế làm sai lệch bản chất của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong Giấy chứng nhận.

1.4. Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón

- Tổ chức được công nhận khảo nghiệm phân bón: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 40 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14: Điều 9 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019: (1) Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (2) Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, không kể người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành quy định tại ý (1) và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (3) Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu

chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón; (4) Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, trong đó ngoài người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có tối thiểu 05 nhân lực chính thức thực hiện khảo nghiệm (viên chức hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn tối thiểu 12 tháng).

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức thực hiện khảo nghiệm phân bón sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 26 Nghị định 31/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 của Chính phủ, cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không lưu giữ hồ sơ khảo nghiệm phân bón đúng quy định; Không nộp báo cáo định kỳ hàng năm kết quả hoạt động của tổ chức khảo nghiệm phân bón hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

+ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không duy trì đầy đủ các điều kiện của tổ chức khảo nghiệm phân bón được công nhận trong quá trình hoạt động khảo nghiệm; Không tuân thủ đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và các yêu cầu khảo nghiệm theo quy định.

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp kết quả sai so với kết quả khảo nghiệm phân bón.

+ Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện khảo nghiệm phân bón hoặc thực hiện khảo nghiệm không đúng quy định nhưng vẫn cấp kết quả khảo nghiệm.

+ Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa tài liệu khảo nghiệm phân bón.

- Thu hồi Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón: Căn cứ theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019; Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón bị thu hồi trong các trường hợp sau đây: (1) Giả mạo, cấp khống số liệu báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón; (2) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quyết định đã được cấp; (3) Không có hành động khắc phục khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Trồng trọt.

1.5. Hoạt động quảng cáo phân bón

- Điều kiện quảng cáo phân bón: Tổ chức, cá nhân xác nhận nội dung quảng cáo phân bón được áp dụng Điều 49 Luật Trồng trọt năm 2018; Điều 24 của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về việc quy định quản lý phân bón; (1) Việc quảng cáo phân bón chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo (*quy định*

tại Điều 12 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 14/11/2013); (2) Quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc văn bản tự công bố chất lượng sản phẩm (quy định tại điểm k khoản 4 Điều 20 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13).

- Quảng cáo phân bón bắt buộc phải có các nội dung sau (quy định tại Điều 11 Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013): (1) Tên phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi, giống cây trồng, giống vật nuôi; (2) Xuất xứ nguyên liệu trong chế biến; (3) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

- Quy định về xử lý vi phạm: Căn cứ tại Điều 59 Nghị định 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo quy định như sau:

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón không đúng với nội dung ghi trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

+ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón mà thiếu một trong các nội dung sau đây: Tên phân bón; Xuất xứ, nguyên liệu trong chế biến; Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón chưa có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

+ Ngoài ra áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo.

Quy định mức xử phạt hành chính đối với những hành vi vi phạm nêu trên là mức phạt tiền đối với cá nhân, đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân

+ Biện pháp khắc phục hậu quả: (1) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Nghị định 38/2021/NĐ-CP; (2) Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 59 Nghị định 38/2021/NĐ-CP.

2. Lĩnh vực thuốc Bảo vệ thực vật

2.1. Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc BVTV: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2023/QH13; Điều 39, 40 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT: (1) Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt

Nam được nhập khẩu hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu thuốc đó mà không cần giấy phép nhập khẩu trừ trường hợp quy định tại khoản 2; (2) Tổ chức, cá nhân phải có giấy phép khi nhập khẩu các loại thuốc BVTV sau đây (Thuốc BVTV chưa có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam để tạm nhập, tái xuất hoặc nhập khẩu để sản xuất tại Việt Nam nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài; thuốc BVTV để xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide và các hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS); thuốc BVTV chưa có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam nhập khẩu để khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký thuốc BVTV; Thuốc BVTV chưa có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam nhập khẩu để thử nghiệm, nghiên cứu; sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam; thuốc bảo vệ thực vật làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và sử dụng trong một số trường hợp đặc biệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thuốc trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam nhưng nhập khẩu để làm chất chuẩn. (3) Thuốc BVTV nhập khẩu quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật phải được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc khi nhập khẩu và chỉ được nhập khẩu khi đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhập khẩu thuốc BVTV chưa đủ điều kiện sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 28 Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ, cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Nhập khẩu thuốc thành phẩm trong Danh Mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam không đúng nhà sản xuất trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc BVTV tại Việt Nam; nhập khẩu thuốc thành phẩm trong Danh Mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam có thời hạn sử dụng dưới 2/3 hạn sử dụng được ghi trên nhãn thuốc kể từ khi thuốc đến Việt Nam.

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc BVTV trong Danh Mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam làm chất chuẩn dùng trong hoạt động thử nghiệm mà không có Giấy phép nhập khẩu thuốc BVTV của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc BVTV thành phẩm, thuốc kỹ thuật không đảm bảo chất lượng, không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Nhập khẩu thuốc thành phẩm hoặc thuốc kỹ thuật

không có trong Danh Mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam mà không có Giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nhập khẩu thuốc BVTV thành phẩm hoặc thuốc kỹ thuật hết hạn sử dụng, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh; nhập khẩu thuốc BVTV có Giấy phép nhưng không đúng loại thuốc thành phẩm, thuốc kỹ thuật ghi trong giấy phép; đưa vào sản xuất, lưu thông hoặc không bảo quản nguyên trạng thuốc BVTV thành phẩm, thuốc kỹ thuật nhập khẩu khi chưa có thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc BVTV nhập khẩu.

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu không có Giấy phép nhập khẩu thuốc BVTV của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các loại thuốc chứa hoạt chất methyl bromide hoặc thuốc BVTV chứa hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS).

+ Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam.

2.2. *Buôn bán thuốc BVTV*

- Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc BVTV: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại 64, 65 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2023/QH13; Điều 4 Nghị định 123/2018/NĐ-CP; Điều 35 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT: (1) Người trực tiếp quản lý, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật; (2) Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc BVTV tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m; (3) Kho thuốc bảo vệ thực vật (đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm

- Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển, đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm).

Lưu ý: Vị trí để thuốc BVTV nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân thực hiện buôn bán thuốc BVTV chưa đủ điều kiện sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ; khoản 3 Điều 2 Nghị định 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc BVTV hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo

chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá dưới 5.000.000 đồng; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã hết hạn; Không duy trì đầy đủ các điều kiện về buôn bán thuốc BVTV theo quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

+ Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán thuốc BVTV chung với các loại hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc y tế, thuốc thú y.

+ Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc BVTV hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng; buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 3 kilôgam (hoặc 3 lít) thuốc thành phẩm; buôn bán thuốc BVTV không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV; buôn bán thuốc BVTV không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá dưới 5.000.000 đồng.

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc BVTV hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc 3 lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc 5 lít) thuốc thành phẩm; buôn bán thuốc BVTV dưới dạng ống tiêm thủy tinh; bán thuốc BVTV dùng để xông hơi khử trùng cho người không có thể hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc tổ chức không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; hướng dẫn sử dụng cho người mua thuốc BVTV không đúng nội dung trên nhãn thuốc BVTV; buôn bán thuốc BVTV trong thời gian đang bị đình chỉ hoạt động buôn bán, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng.

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc BVTV hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc 5 lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc 10 lít) thuốc thành phẩm; buôn bán thuốc BVTV

không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc BVTV hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc 10 lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc 20 lít) thuốc thành phẩm; buôn bán thuốc BVTV không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

+ Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc 20 lít) đến dưới 30 kilôgam (hoặc 30 lít) thuốc thành phẩm; buôn bán thuốc BVTV không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

+ Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên; buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc 30 lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm; buôn bán thuốc BVTV không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

+ Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Buôn bán thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm trở lên trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án; buôn bán thuốc BVTV không có tên trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên.

- Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV: Căn cứ theo khoản 3 Điều 65 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật bị thu hồi trong các trường hợp sau đây: Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung; tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật mà bị xử phạt vi phạm hành chính từ 03 lần trong một năm hoặc bị xử

phạt vi phạm hành chính 03 lần liên tiếp về một hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật; tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi giấy chứng nhận.

2.3. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

- Tổ chức được công nhận khảo nghiệm thuốc BVTV: Phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013, Điều 20 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015: (1) Người đứng đầu tổ chức phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học và có giấy chứng nhận tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; (2) Người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; (3) Có cơ sở vật chất - kỹ thuật bảo đảm cho công tác khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (điều kiện cụ thể tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT); (4) Không trực tiếp đứng tên đăng ký hoặc được ủy quyền đứng tên đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.

- Quy định về xử lý vi phạm: Các tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc BVTV sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 29 Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ, cụ thể các hình thức xử lý như sau:

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: (a) Không có Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; (b) Không duy trì đầy đủ các Điều kiện về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 59 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động khảo nghiệm.

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Không tuân thủ đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và các yêu cầu khảo nghiệm theo quy định; gian lận trong hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi không thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mà có báo cáo kết quả khảo nghiệm.

- Thu hồi Giấy phép công nhận tổ chức khảo nghiệm thuốc BVTV: Căn cứ theo khoản 1 Điều 58 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; Giấy phép công nhận tổ chức khảo nghiệm thuốc BVTV bị thu hồi trong các trường hợp sau đây: (1) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung; (2) Phát hiện giấy tờ giả, thông tin không trung thực trong hồ sơ xin cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; (3) Thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, động vật, thực vật, hệ sinh thái và môi trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.4. Hoạt động quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật.

- Điều kiện quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật: (1) Việc quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo (*quy định tại Điều 12 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 14/11/2013*); (2) Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật phải có giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật (*quy định tại điểm g khoản 13 Điều 1 Luật số 75/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13*). Chỉ được quảng cáo các loại thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (*quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2023/QH13*).

- Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật: Bắt buộc phải có các nội dung sau (*quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2023/QH13; Điều 60 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT*): (1) Tên thương phẩm, tên hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật; (2) Tính năng tác dụng và những điều lưu ý khi sử dụng, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật; (3) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký, phân phối; (4) Hướng dẫn sử dụng; (5) Cảnh báo về mức độ nguy hiểm, độc hại và chỉ dẫn phòng ngừa tác hại của thuốc bảo vệ thực vật; (6) *Nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật trên bảng, biển, panô, kệ giá hàng, các vật dụng khác, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, phương tiện giao thông, người chuyển tải sản phẩm quảng cáo không nhất thiết phải chứa đầy đủ các nội dung bắt buộc.*

- Quy định về xử lý vi phạm: *Quy định tại Điều 57 Nghị định 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:*

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật không phù hợp với Giấy phép kiểm dịch thực vật.

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam; quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật thiếu một trong các nội dung: tên sản phẩm; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường; tính năng, tác dụng và những điều cần lưu ý khi sử dụng, bảo quản.

+ Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

+ Biện pháp khắc phục hậu quả: (1) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định 38/2021/NĐ-CP; (2) Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 57 Nghị định 38/2021/NĐ-CP.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện theo các nội dung nêu trên và quy định hiện hành; đồng thời tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật. Báo cáo kịp thời các nội dung phát sinh tại cơ sở về Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&MT (Đề B/c);
- UBND các xã, phường;
- Chi cục trưởng, PCCT;
- Các phòng: BVTV, TT;
- Lưu: VT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Thị Ngọc Diệp